

BẢNG TỔNG HỢP
ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ CƠ SỞ BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI ĐỢT 3
(Từ ngày 02 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 10 năm 2025)
(Kèm theo biên bản thẩm định ngày .../...../2025 của UBND xã Sao Vàng)

STT	Họ tên Hộ	Thôn	Tổng cộng		Lợn Nái, Lợn đực giống		Lợn thịt và lợn con		Tổng NSNN hỗ trợ	Ghi chú
			Số lợn (con)	Trong lượng (kg)	Số lợn (con)	Trong lượng (kg)	Số lợn (con)	Trong lượng (kg)		
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(8)	(5)=(7)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(5)*40.000 đ/kg	
1	Nguyễn Hồng Chiên	thôn Điền Trạch	1	88,0			1	88,0	3.520.000	
2	Nguyễn Xuân Phương	Thôn Bích Phương	16	957,0	1,0	217,0	15	740,0	38.280.000	
3	Lê Xuân Tâm	Thôn Bích Phương	2	295,0	1,0	207,0	1	88,0	11.800.000	
4	Đỗ Thị Tốt	Thôn Bích Phương	1	106,0			1	106,0	4.240.000	
5	Lê Văn Sơn	Thôn Bích Phương	1	145,0	1,0	145,0			5.800.000	
6	Trịnh Đăng Thế	Thôn Đồng Tâm	3	248,0			3	248,0	9.920.000	
7	Đỗ Xuân Ninh	Thôn Ngọc Lạp	2	302,0	2,0	302,0			12.080.000	
8	Đỗ Ngọc Huỳnh	Thôn Ngọc Lạp	2	231,0	-	-	2	231,0	9.240.000	
9	Lê Thị Huyền	Thôn Ngọc Lạp	5	460,0			5	460,0	18.400.000	
10	Lê Thị Nhung	Thôn Ngọc Lạp	4	351,0	4,0	351,0	-	-	14.040.000	
11	Lê Duy Vương	Thôn Ngọc Lạp	2	278,0	2,0	278,0			11.120.000	
12	Hà Thị Hạnh	Ba Ngọc	5	253,0	2,0	180,0	3	73,0	10.120.000	
13	Phạm Văn Hiệp	Ba Ngọc	1	165,0	1,0	165,0			6.600.000	
14	Phạm Văn Dũng	Ba Ngọc	1	137,0	1,0	137,0			5.480.000	

15	Lê Văn Toàn	Ba Ngọc	4	178,0	-	-	4	178,0	7.120.000	
16	Quách Văn Thiệp	Ba Ngọc	8	537,0	-	-	8	537,0	21.480.000	
17	Lê Thị Thanh	Ba Ngọc	5	204,0	1,0	50,0	4	154,0	8.160.000	
18	Phạm Văn Tiền	Ba Ngọc	1	96,0	1,0	96,0			3.840.000	
19	Bùi Văn Bảy	Ba Ngọc	2	212,0	2,0	212,0			8.480.000	
20	Lê Văn Thìn	Ba Ngọc	2	130,0	2,0	130,0			5.200.000	
21	Hà Văn Hiệu	Ba Ngọc	1	200,0			1	200,0	8.000.000	
22	Hà Văn Hôn	Ba Ngọc	1	90,0	1,0	90,0			3.600.000	
23	Lê Văn Nguyên	Ba Ngọc	1	114,0	1,0	114,0			4.560.000	
24	Lê Văn Trường	Ba Ngọc	2	50,0			2	50,0	2.000.000	
25	Lê Văn Hợi	Ba Ngọc	1	120,0	1,0	120,0			4.800.000	
26	Phạm Thị Tình	Ba Ngọc	1	34,0			1	34,0	1.360.000	
27	Phạm Thị Ứng	Ba Ngọc	1	34,0			1	34,0	1.360.000	
28	Lê Thị Sợi	Thôn bàn thạch 4	2	144,0	-	-	2	144,0	5.760.000	
29	Lê Thiêm Trường	Thôn bàn thạch 4	1	143,0			1	143,0	5.720.000	
30	Nguyễn Thị Miên	Thôn bàn thạch 4	8	678,0	1,0	108,0	7	570,0	27.120.000	
31	HÀ Văn Nam	Thôn 7	30	1.011,0	5,0	161,0	25	850,0	40.440.000	
32	Lê Hữu Bình	Thôn 7	2	75,0			2	75,0	3.000.000	
33	Bùi Văn Hiếu	Thôn 7	1	191,0	1,0	191,0			7.640.000	
34	Lương Văn Thắng	Thôn 7	1	192,0	1,0	192,0			7.680.000	
35	Lê Thị Diệu	Thôn Xuân Hợp	1	120,0	1,0	120,0			4.800.000	
36	Bùi Văn Thống	Thôn 5	1	100,0	1,0	100,0			4.000.000	
37	Bùi Văn Hùng	Thôn 5	3	332,0	2,0	268,0	1	64,0	13.280.000	
38	Bùi Thị Chinh	Thôn 5	3	377,0	3,0	377,0	-	-	15.080.000	
39	Bùi Văn Hưng	Thôn 5	16	1.046,0	1,0	131,0	15	915,0	41.840.000	
40	Bùi Văn Nông	Thôn 5	1	175,0	1,0	175,0			7.000.000	
41	Nguyễn Văn Luân	Bàn Thạch 3	1	110,0			1	110,0	4.400.000	
42	Lê Thị Bắc	Thôn Tân Phúc	1	200,0			1	200,0	8.000.000	

43	Trần Hữu Bảy	THÔN 10	2	422,0	2,0	422,0			16.880.000	
44	Lê Thị Hiền	THÔN 10	21	1.518,0			21	1.518,0	60.720.000	
45	Nguyễn Thị Minh	THÔN 10	3	213,0	2,0	108,0	1	105,0	8.520.000	
46	Lê Thị Hồng	THÔN 10	2	206,0	2,0	206,0	-	-	8.240.000	
47	Lê Thị Hiền	THÔN 10	9	145,0	1,0	95,0	8	50,0	5.800.000	
48	Bùi Thị Xuân	XUÂN TÂM	2	118,0			2	118,0	4.720.000	
49	Bùi Văn Nghĩa	Làng Pheo	1	137,0			1	137,0	5.480.000	
50	Lê Thiêm Đua	Bàn Thạch 5	6	764,0	4,0	607,0	2	157,0	30.560.000	
51	Phan Văn Định	Bàn Thạch 5	8	758,0	-	-	8	758,0	30.320.000	
52	Phạm Thị Phán	Hồng Sơn	1	107,0			1	107,0	4.280.000	
Tổng			203	15.297,0	52,0	6.055,0	151	9.242,0	611.880.000	

(Số tiền bằng chữ: Sáu trăm mười một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng)

